

HỘI SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN, ĐHQG-HCM
LIÊN CHI HỘI KHOA VẬT LÝ – VẬT LÝ KỸ THUẬT

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM GIA HOẠT ĐỘNG
HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2025 - 2026

- 1. Tên hoạt động:** Ươm Hạt Năng Lành
- 2. Thời gian tổ chức:** 07/11/2025
- 3. Địa điểm tổ chức:** Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM và lớp học tình thương Xuân Mai, 263 Quốc lộ 13 cũ, khu phố 1, phường Hiệp Bình Phước, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
- 4. Thông tin người phụ trách:** Nguyễn Nhật Đăng – Liên chi Hội trưởng (0949216448).
- 4. Danh sách sinh viên tham gia:**

STT	MSSV	Họ và tên	Khoa	Ghi chú
1	21120581	Lê Phan Thủy Trúc	Công nghệ thông tin	
2	21130120	Nguyễn Ngọc Minh Châu	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
3	22110045	Khúc Nguyên Dương	Toán - Tin học	
4	22120401	Trần Anh Tú	Công nghệ thông tin	
5	22120415	Trần Quang Tuyên	Công nghệ thông tin	
6	22120451	Vũ Thế Vỹ	Công nghệ thông tin	
7	23110013	Lê Nguyễn Phong Duy	Toán - Tin học	
8	23110016	Huỳnh Đông Hưng	Toán - Tin học	
9	23110107	Lê Thành Nhân	Toán - Tin học	
10	23110184	Nguyễn Lâm Thảo Ly	Toán - Tin học	
11	23170092	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Môi trường	
12	23250002	Phạm Phi Dũng	Khoa học và Công nghệ Vật liệu	
13	23250012	Lê Trọng Tuấn Anh	Khoa học và Công nghệ Vật liệu	
14	23250022	Dương Nguyễn Gia Hân	Khoa học và Công nghệ Vật liệu	

STT	MSSV	Họ và tên	Khoa	Ghi chú
15	23250031	Huỳnh Lê Anh Khôi	Khoa học và Công nghệ Vật liệu	
16	23250037	Phạm Thị Diễm My	Khoa học và Công nghệ Vật liệu	
17	23250039	Trần Võ Trà My	Khoa học và Công nghệ Vật liệu	
18	23250060	Trần Thị Thảo Trang	Khoa học và Công nghệ Vật liệu	
19	23280018	Thái Ngọc Thanh Mai	Toán - Tin học	
20	23280025	Đặng Trọng Bảo Thi	Toán - Tin học	
21	24110097	Nguyễn Phạm Quỳnh Như	Toán - Tin học	
22	24110109	Trần Nguyễn Khánh Trân	Toán - Tin học	
23	24110127	Đào Xuân Bắc	Toán - Tin học	
24	24110158	Lê Hoài Hậu	Toán - Tin học	
25	24110162	Đinh Văn Nhật Hoàng	Toán - Tin học	
26	24110179	Huỳnh Thế Khải	Toán - Tin học	
27	24110213	Nguyễn Quỳnh Nhi	Toán - Tin học	
28	24110239	Vũ Văn Thắng	Toán - Tin học	
29	24110241	Tăng Thanh Thảo	Toán - Tin học	
30	24110243	Lương Trọng Thiên	Toán - Tin học	
31	24110247	Phạm Quốc Thịnh	Toán - Tin học	
32	24110249	Trần Ngọc Thông	Toán - Tin học	
33	24110252	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	Toán - Tin học	
34	24110261	Nguyễn Thị Diễm Trang	Toán - Tin học	
35	24110270	Đông Thanh Tuấn	Toán - Tin học	
36	24120129	Đỗ Quỳnh	Công nghệ thông tin	
37	24120144	Dương Ngọc Minh Thư	Công nghệ thông tin	

STT	MSSV	Họ và tên	Khoa	Ghi chú
38	24120152	Trần Ngọc Thanh Tú	Công nghệ thông tin	
39	24120199	Trịnh Kim Mai	Công nghệ thông tin	
40	24125091	Nguyễn Anh Khôi	Công nghệ thông tin	
41	24127340	Văn Hải Đăng	Công nghệ thông tin	
42	24130035	Văn Quốc Khánh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
43	24130060	Phạm Thiên Nhi	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
44	24130063	Phan Thiên Phúc	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
45	24130099	Bùi Trịnh Minh Dũng	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
46	24130118	Phạm Minh Quân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
47	24130124	Nguyễn Minh Tiến	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
48	24130127	Trần Phú Vinh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
49	24130182	Trần Trung Hiếu	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
50	24130239	Nguyễn Hoàng Phú	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
51	24130257	Tổng Hoàng Tâm	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
52	24150017	Võ Thị Kim Hằng	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
53	24150088	Nguyễn Trương Anh Thư	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
54	24150089	Võ Minh Thư	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
55	24150098	Nguyễn Thị Bích Trâm	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
56	24150100	Lê Bảo Trân	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
57	24150101	Trần Bảo Trân	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
58	24150103	Đặng Ngọc Dương Triều	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
59	24150106	Lê Thị Phương Uyên	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
60	24180013	Nguyễn Minh Khá	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
61	24180021	Nguyễn Bảo Ngọc	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	

STT	MSSV	Họ và tên	Khoa	Ghi chú
62	24180026	Nguyễn Hồng Nhung	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
63	24180028	Nguyễn Huỳnh Trúc Phương	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
64	24180180	Trần Thu Thảo	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
65	24180205	Huỳnh Thị Mộng Trúc	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
66	24200042	Vũ Hoàng Thiên Ân	Điện tử - Viễn thông	
67	24210006	Mai Tấn Hoàng Lâm	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
68	24210016	Nguyễn Bảo Vy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
69	24210025	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
70	24210026	Nguyễn Ngọc Hân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
71	24210072	Vũ Thị Thúy Vy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
72	24220018	Đặng Thành An	Môi trường	
73	24220021	Phan Ngọc Tường An	Môi trường	
74	24260001	Hoàng Hải Anh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
75	24270006	Lâm Bá Khang	Địa chất	
76	24290055	Trần Thị Quỳnh Lam	Môi trường	
77	24290086	Trần Thị Tuyết Trâm	Môi trường	
78	24290099	Bùi Thị Lê Ý	Môi trường	
79	25120112	Ngô Anh Nguyên	Công nghệ thông tin	
80	25120149	Nguyễn Minh Tuấn	Công nghệ thông tin	
81	25120257	Nguyễn Huỳnh Đệ	Công nghệ thông tin	
82	25120261	Đặng Anh Khoa	Công nghệ thông tin	
83	25120325	Nguyễn Vinh Hoàng	Công nghệ thông tin	
84	25120328	Đặng Minh Hùng	Công nghệ thông tin	
85	25120345	Nguyễn Hà Nam Kha	Công nghệ thông tin	
86	25120370	Trần Tuấn Kiệt	Công nghệ thông tin	

STT	MSSV	Họ và tên	Khoa	Ghi chú
87	25120384	Lê Nhật Nam	Công nghệ thông tin	
88	25120422	Nguyễn Bá Phước	Công nghệ thông tin	
89	25120429	Tô Phước Sang	Công nghệ thông tin	
90	25120444	Bùi Minh Tiến	Công nghệ thông tin	
91	25120447	Trịnh Văn Tiến	Công nghệ thông tin	
92	25120482	Đinh Quý Thiện Minh	Công nghệ thông tin	
93	25120483	Phan Ngọc Thành Minh	Công nghệ thông tin	
94	25120484	Phan Anh Tuấn	Công nghệ thông tin	
95	25130038	Nguyễn Trọng Hiếu	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
96	25130039	Trần Gia Hòa	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
97	25130060	Hà Lê Minh Khôi	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
98	25130061	Hà Phạm Nguyên Khôi	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
99	25130066	Lê Trần Trúc Lam	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
100	25130068	Nguyễn Tấn Lộc	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
101	25130073	Vũ Bình Minh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
102	25130079	Lê Thị Thanh Ngọc	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
103	25130092	Phan Đăng Quang	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
104	25130096	Lê Anh Thắng	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
105	25130106	Huỳnh Bảo Thuận	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
106	25130162	Lê Thị Ánh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
107	25130165	Châu Trần Phi Cơ	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
108	25130172	Trần Mai Hồng Đào	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
109	25130194	Lê Tăng Kim Hoàng	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
110	25130201	Phạm Tiến Hưng	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
111	25130209	Dương Phúc Khang	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
112	25130226	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	

STT	MSSV	Họ và tên	Khoa	Ghi chú
113	25130227	Lê Thanh Mẫn	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
114	25130262	Phan Ngọc Huệ Thư	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
115	25130267	Phan Thị Thùy Trang	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
116	25130274	Trần Quang Trung	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
117	25140016	Đinh Nguyên Bảo	Hóa học	
118	25140137	Đinh Phúc Thịnh	Hóa học	
119	25140176	Trương Khánh Huy	Hóa học	
120	25150081	Nguyễn Thị Kim Quyên	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
121	25160030	Huỳnh Tiến Phát	Địa chất	
122	25170029	Phạm Hoàng Gia Huy	Môi trường	
123	25170031	Võ Lê Gia Huy	Môi trường	
124	25170032	Nguyễn Vũ Kha	Môi trường	
125	25170040	Nguyễn Hoàng Phúc Lộc	Môi trường	
126	25170049	Đặng Kim Ngân	Môi trường	
127	25170060	Nguyễn Minh Nhu	Môi trường	
128	25170069	Hồ Văn Quý	Môi trường	
129	25170074	Võ Anh Tài	Môi trường	
130	25170082	Phạm Phương Thảo	Môi trường	
131	25170088	Trần Hữu Trí	Môi trường	
132	25170096	Trần Tuấn Anh	Môi trường	
133	25170106	Đinh Trọng Tuấn Anh	Môi trường	
134	25170125	Trương Thị Bích Lý	Môi trường	
135	25170127	Lê Nguyễn Hoàng Nam	Môi trường	
136	25170133	Nguyễn Quang Sang	Môi trường	
137	25170149	Nguyễn Lạc Khải Văn	Môi trường	

STT	MSSV	Họ và tên	Khoa	Ghi chú
138	25180006	Trương Quốc An	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
139	25180012	Nguyễn Ái Gia Bảo	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
140	25180091	Đỗ Trần Ngọc Trang	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
141	25180167	Phạm Nguyễn Nguyên Trúc	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
142	25180180	Nguyễn Hoàng Chương	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
143	25190100	Lâm Minh Triết	Khoa học và Công nghệ Vật liệu	
144	25190104	Ngô Hoàng Uy	Khoa học và Công nghệ Vật liệu	
145	25190105	Phan Thế Vinh	Khoa học và Công nghệ Vật liệu	
146	25190120	Nguyễn Tiến Đạt	Khoa học và Công nghệ Vật liệu	
147	25190128	Phạm Việt Hoàng	Khoa học và Công nghệ Vật liệu	
148	25200058	Nguyễn Trần Đỗ Quyên	Điện tử - Viễn thông	
149	25220091	Hạp Tiến Đạt	Môi trường	
150	25220127	Nguyễn Kiến Văn	Môi trường	
151	25260002	Phạm Nhật Hoàng Anh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
152	25260014	Trịnh Đăng Khoa	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
153	25260016	Quách Ngọc Mẫn	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
154	25260023	Nguyễn Phan Hoàng Phương	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
155	25260047	Nguyễn Trần Nhu Ngọc	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
156	25260051	Hà Như Quỳnh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
157	25260053	Ngô Thị Quỳnh Trang	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
158	25270001	Phan Ngọc Bình An	Địa chất	
159	25280009	Phạm Nguyên Mai Anh	Toán - Tin học	

STT	MSSV	Họ và tên	Khoa	Ghi chú
160	25280029	Tô Nguyễn Thảo Ngọc	Toán - Tin học	
161	25280089	Vũ Thị Quỳnh Như	Toán - Tin học	
162	25280092	Lương Huỳnh Kỳ Anh	Toán - Tin học	
163	22230017	Phan Phú Khang	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
164	23110078	Trần Khánh Duy	Toán - Tin học	
165	23110112	Đoàn Phú Quý	Toán - Tin học	
166	23130042	Nguyễn Ngọc Sang	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
167	23130123	Hà Hào	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
168	23130246	Đặng Lê Khánh Trang	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
169	23130248	Nguyễn Thị Kiều Trang	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
170	23130249	Võ Thái Minh Triều	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
171	23130251	Mai Thị Thanh Trúc	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
172	23190041	Nguyễn Thanh Hào	Khoa học và Công nghệ Vật liệu	
173	24110114	Nguyễn Ngọc Tuyền	Toán - Tin học	
174	24110135	Dương Thành Đạt	Toán - Tin học	
175	24110146	Nguyễn Trương Trí Dũng	Toán - Tin học	
176	24110148	Nguyễn Hà Minh Duy	Toán - Tin học	
177	24110157	Huỳnh Ngọc Như Hào	Toán - Tin học	
178	24110181	Trần Nguyễn Minh Khang	Toán - Tin học	
179	24110186	Dương Thái Khoa	Toán - Tin học	
180	24110190	Nguyễn Anh Khôi	Toán - Tin học	
181	24110191	Ngô Nguyễn Huy Khương	Toán - Tin học	

STT	MSSV	Họ và tên	Khoa	Ghi chú
182	24120506	Phan Thế Minh Trí	Công nghệ thông tin	
183	24130015	Nguyễn Minh Hậu	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
184	24130023	Nguyễn Đan Huy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
185	24130040	Võ Anh Khoa	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
186	24130041	Lê Đình Khôi	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
187	24130049	Ngô Đăng Tuấn Long	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
188	24130068	Hồ Lưu Nhựt Quang	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
189	24130104	Nguyễn Tấn Gia Huy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
190	24130109	Huỳnh Duy Khang	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
191	24130115	Thân Thiện Nhân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
192	24130147	Nguyễn Trần Nhiên Đăng	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
193	24130158	Phan Minh Đức	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
194	24130169	Nguyễn Bá Duy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
195	24130173	Đỗ Ngọc Hào	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
196	24130187	Nguyễn Việt Hoàng	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
197	24130191	Nguyễn Đức Gia Huy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
198	24130196	Trần Quốc Huy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
199	24130205	Nguyễn Trần Đăng Khoa	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
200	24130221	Lê Duy Nhật Nam	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
201	24130267	Nguyễn Hoàng Thuận	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
202	24130279	Phạm Duy Khánh Trung	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
203	24140045	Chu Nguyên Chương	Hóa học	
204	24140087	Nguyễn Hữu Thành Đạt	Hóa học	
205	24180070	Nguyễn Thị Minh Anh	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	

STT	MSSV	Họ và tên	Khoa	Ghi chú
206	24180131	Lâm Thị Xuân Mai	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
207	24190006	Phan Thanh Hải	Khoa học và Công nghệ Vật liệu	
208	24190032	Nguyễn Thị Thanh Hoài	Khoa học và Công nghệ Vật liệu	
209	24190073	Trần Thảo Khanh	Khoa học và Công nghệ Vật liệu	
210	24190103	Nguyễn An Nhân	Khoa học và Công nghệ Vật liệu	
211	24210004	Nguyễn Gia Hân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
212	24230025	Huỳnh Như Thảo Vi	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
213	24250021	Hồ Thị Thúy Vy	Khoa học và Công nghệ Vật liệu	
214	24250027	Nguyễn Nhật Anh	Khoa học và Công nghệ Vật liệu	
215	24290041	Đào Nguyên Nhật Hạ	Môi trường	
216	25110002	Phan Nguyễn Tiến Khoa	Toán - Tin học	
217	25110022	Nguyễn Lin Đa	Toán - Tin học	
218	25110068	Lê Phạm Phi Loan	Toán - Tin học	
219	25110158	Nguyễn Ngọc Hiền	Toán - Tin học	
220	25110165	Nguyễn Quang Nhật Hy	Toán - Tin học	
221	25110243	Ngô Phát Triển	Toán - Tin học	
222	25120032	Bùi Quốc Cường	Công nghệ thông tin	
223	25120034	Trịnh Thành Danh	Công nghệ thông tin	
224	25120080	Nguyễn Ngọc Anh Khoa	Công nghệ thông tin	
225	25120088	Lê Khánh Linh	Công nghệ thông tin	
226	25120090	Bùi Hữu Lộc	Công nghệ thông tin	
227	25120116	Nguyễn Hoàng Oanh	Công nghệ thông tin	
228	25120152	Ngô Huy Mạnh Tùng	Công nghệ thông tin	

STT	MSSV	Họ và tên	Khoa	Ghi chú
229	25120208	Phạm Hồng Minh	Công nghệ thông tin	
230	25120211	Dương Hải My	Công nghệ thông tin	
231	25120242	Nguyễn Duy Tín	Công nghệ thông tin	
232	25120401	Lưu Trí Nhân	Công nghệ thông tin	
233	25120460	Nguyễn Quang Trường	Công nghệ thông tin	
234	25120467	Châu Thị Thảo Vân	Công nghệ thông tin	
235	25130012	Bùi Đức Anh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
236	25130020	Trịnh Doãn Bách	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
237	25130041	Đặng Thế Hoàng	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
238	25130070	Đỗ Hoàng Long	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
239	25130074	Nguyễn Quốc Nam	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
240	25130089	Hoàng Ngọc Bảo Phương	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
241	25130113	Phạm Tuấn	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
242	25130130	Đặng Ngọc Mỹ Duyên	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
243	25130161	Trần Hoàng Anh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
244	25130181	Hồ Đình Thái Dương	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
245	25130204	Mai Lê Huy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
246	25130207	Tăng Gia Hy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
247	25130212	Trịnh Gia Khang	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
248	25130228	Phan Duy Mạnh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
249	25130234	Nguyễn Hoài Nam	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
250	25130239	Sơn Thái Nguyên	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
251	25130247	Nguyễn Hữu Minh Quân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
252	25130248	Nguyễn Lê Hữu Quân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
253	25130268	Nguyễn Minh Trí	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
254	25130277	Trần Thanh Tùng	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
255	25140026	Phạm Khả Hân	Hóa học	
256	25140028	Phan Ngọc Hân	Hóa học	
257	25140030	Lê Thắm Hằng	Hóa học	
258	25140040	Lại Gia Linh	Hóa học	

STT	MSSV	Họ và tên	Khoa	Ghi chú
259	25140046	Lương Phúc Bảo Ngân	Hóa học	
260	25140056	Châu Đình Quốc Phú	Hóa học	
261	25140059	Phạm Ngô Đông Quân	Hóa học	
262	25140068	Nguyễn Ngọc Thanh Thy	Hóa học	
263	25140071	Võ Hoàng Mai Trân	Hóa học	
264	25140074	Nguyễn Cẩm Tú	Hóa học	
265	25140085	Nguyễn Hoàng Bách	Hóa học	
266	25140151	Trần Dương Hoài An	Hóa học	
267	25140177	Nguyễn Đăng Khoa	Hóa học	
268	25150028	Lê Ngọc Khánh Hân	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
269	25150045	Hồ Thiện Lâm	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
270	25150120	Cao Trần Nhã Ý	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
271	25150201	Trương Bảo Ngọc	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
272	25160066	Vũ Nguyễn Tất Đạt	Địa chất	
273	25170115	Trần Quỳnh Hương	Môi trường	
274	25170138	Đinh Trường Thịnh	Môi trường	
275	25170144	Lê Thị Thùy Trang	Môi trường	
276	25180105	Trương Thị Thu Vân	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
277	25180141	Bùi Ngọc Yến Ngân	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
278	25180154	Nguyễn Ngọc Tâm	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	

STT	MSSV	Họ và tên	Khoa	Ghi chú
279	25180166	Ngô Tiến Triều	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
280	25180201	Phạm Nguyễn Kim Ngân	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
281	25180203	Dương Yến Ngọc	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
282	25180210	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
283	25180212	Trần Huyền Tâm Như	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
284	25190086	Đỗ Phạm Ngọc Tuấn	Khoa học và Công nghệ Vật liệu	
285	25190136	Phạm Duy Khương	Khoa học và Công nghệ Vật liệu	
286	25190138	Trương Thành Luân	Khoa học và Công nghệ Vật liệu	
287	25190148	Nguyễn Đức Phát	Khoa học và Công nghệ Vật liệu	
288	25200008	Nguyễn Kiều Chinh	Điện tử - Viễn thông	
289	25200019	Lê Nguyễn Trung Hiếu	Điện tử - Viễn thông	
290	25200076	Trần Bảo Tuấn	Điện tử - Viễn thông	
291	25200081	Nguyễn Đoàn Tiến Khoa	Điện tử - Viễn thông	
292	25200085	Đặng Cao Phát	Điện tử - Viễn thông	
293	25200102	Nguyễn Thanh Giang	Điện tử - Viễn thông	
294	25200108	Phạm Trung Hiếu	Điện tử - Viễn thông	
295	25200109	Trần Như Hiếu	Điện tử - Viễn thông	
296	25200116	Nguyễn Đắc Anh Khoa	Điện tử - Viễn thông	
297	25200119	Hồ Ngô Tuấn Khôi	Điện tử - Viễn thông	
298	25210028	Đỗ Thị Thanh Thảo	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
299	25210029	Đặng Nguyễn Cát Tường	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
300	25210052	Phạm Huỳnh Phương Uyên	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	

STT	MSSV	Họ và tên	Khoa	Ghi chú
301	25220039	Trần Công Minh	Môi trường	
302	25220042	Nguyễn Chí Khôi Nguyễn	Môi trường	
303	25220053	Huỳnh Lâm Bảo Quốc	Môi trường	
304	25220068	Hoàng Quốc Triệu	Môi trường	
305	25220072	Nguyễn Văn Tú	Môi trường	
306	25220079	Nguyễn Tuyết Vân	Môi trường	
307	25220081	Hồ Tuyền Vy	Môi trường	
308	25220084	Nguyễn Tường Vy	Môi trường	
309	25220085	Võ Huỳnh Bảo Vy	Môi trường	
310	25220086	Dương Hải Yến	Môi trường	
311	25220089	Vũ Đức Gia Bảo	Môi trường	
312	25220094	Phan Gia Huy	Môi trường	
313	25220097	Nguyễn Bảo Khanh	Môi trường	
314	25220100	Trần Quang Minh	Môi trường	
315	25220104	Nguyễn Lê Nguyễn	Môi trường	
316	25220105	Vũ Thị Yến Nhi	Môi trường	
317	25220111	Nguyễn Thị Thanh Phương	Môi trường	
318	25220116	Lương Quốc Thái	Môi trường	
319	25220121	Phạm Trương Bảo Trân	Môi trường	
320	25230005	Tăng Diệp Minh Hiếu	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
321	25230010	Đỗ Thành Lộc	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
322	25230014	Lê Ngọc Bảo Nguyễn	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
323	25230023	Trịnh Xuân Thịnh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
324	25230032	Nguyễn Văn Chương	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	

STT	MSSV	Họ và tên	Khoa	Ghi chú
325	25250009	Trần Dương Hương Giang	Khoa học và Công nghệ Vật liệu	
326	25250044	Vũ Ngọc Nga	Khoa học và Công nghệ Vật liệu	
327	25250048	Đặng Huỳnh Bảo Ngọc	Khoa học và Công nghệ Vật liệu	
328	25250089	Quách Thanh Tùng	Khoa học và Công nghệ Vật liệu	
329	25250116	Trịnh Gia Bảo	Khoa học và Công nghệ Vật liệu	
330	25250127	Nguyễn Đức Hưng	Khoa học và Công nghệ Vật liệu	
331	25250129	Trần Dương Mạnh Hưng	Khoa học và Công nghệ Vật liệu	
332	25250132	Nguyễn Đỗ Phúc Khang	Khoa học và Công nghệ Vật liệu	
333	25250138	Dương Quang Phúc	Khoa học và Công nghệ Vật liệu	
334	25250157	Nguyễn Huỳnh Phước Vinh	Khoa học và Công nghệ Vật liệu	
335	25260005	Lê Minh Đức	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
336	25260010	Bành Vĩnh Hưng	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
337	25260013	Nguyễn Hoàng Khánh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
338	25260024	Trần Nguyễn Anh Thư	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
339	25260026	Huỳnh Ngọc Gia Tịnh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
340	25260030	Lương Nhật Vy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
341	25260045	Lê Đình Khương	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
342	25260046	Lư Bảo Ngọc	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
343	25260054	Lâm Ái Vân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
344	25260055	Nguyễn Lê Anh Hậu	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
345	25290011	Ngô Thành Đạt	Môi trường	
346	25290030	Nguyễn Trần Hồng Nhân	Môi trường	
347	25290058	Lê Nguyễn Ngọc Nhi	Môi trường	

STT	MSSV	Họ và tên	Khoa	Ghi chú
348	25290063	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	Môi trường	
349	25290089	Châu Nguyễn Minh Thư	Môi trường	
350	25310024	Đào Thục Nhi	Khoa học liên ngành	
351	25310032	Nguyễn Ngọc Hương Thảo	Khoa học liên ngành	
352	25310041	Lê Hà Mỹ Tiên	Khoa học liên ngành	
353	25310062	Bùi Huỳnh Nhi	Khoa học liên ngành	
354	25310063	Huỳnh Nguyễn Sheila	Khoa học liên ngành	
355	22150031	Đinh Gia Hân	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
356	22180081	Bùi Xuân Khánh	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
357	22220043	Đặng Quang Phú	Môi trường	
358	23120251	Đào Duy Hào	Công nghệ thông tin	
359	23140060	Nguyễn Trần Phương Anh	Hóa học	
360	23150116	Ngô Gia Lộc	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
361	23150193	Lê Hoàng Thủy	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
362	23170015	Lê Thị Minh Anh	Môi trường	
363	23170032	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Môi trường	
364	23170057	Quách Đức Nguyên	Môi trường	
365	23170060	Nguyễn Thanh Nhân	Môi trường	
366	23170066	Huỳnh Triệu Phú	Môi trường	
367	23170088	Phan Thị Tuyết Trinh	Môi trường	
368	23170103	Hồ Nhật Vy	Môi trường	
369	23170107	Nguyễn Vũ Luân	Môi trường	
370	23230011	Lê Hoàng Phúc	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
371	23230042	Đỗ Thị Hồng Thắm	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
372	23260001	Nguyễn Kiến Nguyên	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	

STT	MSSV	Họ và tên	Khoa	Ghi chú
373	23260007	Phan Ngọc Thiên Ân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
374	23260009	Trần Gia Bảo	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
375	23260048	Đoàn Minh Thư	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
376	23260050	Phạm Quỳnh Trang	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
377	23290053	Nguyễn Đỗ Anh Quyên	Môi trường	
378	24110017	Huỳnh Bình Hiếu	Toán - Tin học	
379	24110077	Trần Bá Đạt	Toán - Tin học	
380	24110079	Cao Nguyễn Kỳ Duyên	Toán - Tin học	
381	24110082	Võ Nguyễn Hậu	Toán - Tin học	
382	24110096	Nguyễn Hoàng Bảo Như	Toán - Tin học	
383	24110125	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Toán - Tin học	
384	24120066	Ngô Thành Khang	Công nghệ thông tin	
385	24120115	Lê Tấn Phát	Công nghệ thông tin	
386	24120148	Đinh Võ Thủy Tiên	Công nghệ thông tin	
387	24120194	Võ Minh Khoa	Công nghệ thông tin	
388	24120363	Mau Gia Lạc	Công nghệ thông tin	
389	24140201	Nguyễn Kim Sang	Hóa học	
390	24140236	Lâm Ái Tường Vy	Hóa học	
391	24150042	Võ Phạm Phương Linh	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
392	24150081	Cao Hoài Thanh	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
393	24150184	Trần Thị Thanh Nhân	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
394	24150189	Lê Đăng Hoàng Oanh	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
395	24150203	Nguyễn Thị Phương Thảo	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
396	24160042	Hồ Minh Thư	Địa chất	
397	24160043	Lê Anh Thư	Địa chất	

STT	MSSV	Họ và tên	Khoa	Ghi chú
398	24170003	Nguyễn Lâm Ngân Bình	Môi trường	
399	24180094	Phạm Lưu Quỳnh Giang	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
400	24180103	Lê Diệp Ngọc Hiền	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
401	24180139	Đỗ Quang Ngọc Ngân	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
402	24180155	Nguyễn Thị Mỹ Như	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
403	24180182	Nguyễn Lê Gia Thịnh	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
404	24180189	Lê Thị Thanh Thư	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
405	24180214	Trần Cát Tường Vi	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
406	24210017	Võ Thành Hiếu	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
407	24210028	Nguyễn Quang Hậu	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
408	24220007	Nguyễn Trần Bảo Ngọc	Môi trường	
409	24220015	Trần Vũ Uyên Vy	Môi trường	
410	24220020	Phạm Thụy An	Môi trường	
411	24220023	Đặng Nguyễn Lan Anh	Môi trường	
412	24220028	Phạm Thị Ngọc Châu	Môi trường	
413	24270032	Lâm Mỹ Trân	Địa chất	
414	25110067	Mai Lâm	Toán - Tin học	
415	25110077	Nguyễn Thị My	Toán - Tin học	
416	25110088	Huỳnh Yến Nhi	Toán - Tin học	
417	25110096	Phạm Thanh Phong	Toán - Tin học	
418	25120119	Nguyễn Hưng Phát	Công nghệ thông tin	
419	25120137	Trần Quang Thắng	Công nghệ thông tin	
420	25120142	Hoàng Bảo Thy	Công nghệ thông tin	

STT	MSSV	Họ và tên	Khoa	Ghi chú
421	25120146	Nguyễn Thanh Trung	Công nghệ thông tin	
422	25120215	Nguyễn Minh Nhật	Công nghệ thông tin	
423	25130001	Lê Nguyễn Quốc Anh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
424	25130003	Đặng Hữu Thịnh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
425	25130005	Trần Quang Đại	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
426	25130018	Phan Thị Ngọc Ánh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
427	25130019	Trần Lê Xuân Bách	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
428	25130047	Trần Khánh Hưng	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
429	25130063	Thạch Minh Khôi	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
430	25130077	Nguyễn Như Ngân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
431	25130081	Nguyễn Hoàng Bảo Nhi	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
432	25130084	Trần Tiến Phát	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
433	25130086	Bùi Việt Phú	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
434	25130088	Châu Đại Phúc	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
435	25130090	Khuông Nguyễn Minh Quân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
436	25130102	Nguyễn Quốc Thịnh Thiên	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
437	25130108	Võ Thanh Tịnh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
438	25130127	Đặng Tấn Đạt	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
439	25130146	Chu Hải Phương	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
440	25130148	Trần Ngọc Như Quỳnh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
441	25130163	Đặng Gia Bảo	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
442	25130170	Hồ Anh Đàm	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
443	25130184	Trần Bá Duy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
444	25130206	Nguyễn Tấn Huy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
445	25130218	Võ Quốc Kiên	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
446	25130222	Trần Đào Phương Lam	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
447	25130231	Phạm Hoàng Minh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	

STT	MSSV	Họ và tên	Khoa	Ghi chú
448	25130236	Dương Hồ Bảo Ngọc	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
449	25130242	Nguyễn Minh Nhật	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
450	25130258	Nguyễn Thuận Thiên	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
451	25130273	Lê Quốc Trung	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
452	25140002	Lý Anh Kiệt	Hóa học	
453	25140007	Nguyễn Hoàng Minh Tâm	Hóa học	
454	25140009	Phạm Phúc Toàn	Hóa học	
455	25140012	Nguyễn Ngọc Minh Anh	Hóa học	
456	25140015	Vũ Trương Ngọc Ánh	Hóa học	
457	25140020	Châu Bình Cương	Hóa học	
458	25140031	Đoàn Mạnh Hoan	Hóa học	
459	25140037	Phạm Thị Thu Huyền	Hóa học	
460	25140047	Tô Trương Gia Nghi	Hóa học	
461	25140066	Trần Nguyễn Anh Thư	Hóa học	
462	25140070	Phạm Ngọc Bảo Trân	Hóa học	
463	25140077	Nguyễn Thị Thanh Vân	Hóa học	
464	25140082	Đoàn Trần Vân Anh	Hóa học	
465	25140090	Nguyễn Tuấn Anh Đức	Hóa học	
466	25140095	Phạm Ngọc Bảo Hân	Hóa học	
467	25140097	Trần Huỳnh Ngọc Hảo	Hóa học	
468	25140102	Biện Trần Phúc Hưng	Hóa học	
469	25140107	Trần Bảo Đăng Khoa	Hóa học	

STT	MSSV	Họ và tên	Khoa	Ghi chú
470	25140115	Đỗ Thị Tố Nga	Hóa học	
471	25140116	Ma Quỳnh Phương Nga	Hóa học	
472	25140134	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo	Hóa học	
473	25140136	Võ Minh Thiện	Hóa học	
474	25140138	Hoàng Thủy Tiên	Hóa học	
475	25140156	Tiêu Ngọc Bảo Anh	Hóa học	
476	25140174	Phạm Quang Huy	Hóa học	
477	25150015	Trần Bảo Đăng	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
478	25150099	Sầm Thị Bảo Thy	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
479	25150102	Phạm Ngọc Thủy Tiên	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
480	25150205	Trịnh Thị Yến Nhi	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
481	25170022	Trần Kim Khải Hoàn	Môi trường	
482	25180098	Nguyễn Đăng Trình	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
483	25180131	Nguyễn Huy Hoàng	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
484	25190006	Lê Thị Huyền Anh	Khoa học và Công nghệ Vật liệu	
485	25190081	Nguyễn Đức Trí	Khoa học và Công nghệ Vật liệu	
486	25200105	Võ Trọng Hiền	Điện tử - Viễn thông	
487	25210048	Nguyễn Lê Minh Quý	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
488	25220007	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Môi trường	
489	25220019	Phùng Ngọc Bảo Hân	Môi trường	
490	25220128	Đinh Nhật Vũ	Môi trường	
491	25230009	Võ Đăng Khôi	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
492	25230030	Trần Quang Tiến	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
493	25230046	Kiều Minh Nhật	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
494	25260032	Lâm Khải Hoàn	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	

STT	MSSV	Họ và tên	Khoa	Ghi chú
495	25260039	Trần Gia Bảo	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
496	25260043	Lý Hoàng Gia Huy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
497	25260050	Nguyễn Thị Hiền Như	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
498	25280007	Huỳnh Huyền Trân	Toán - Tin học	
499	25280036	Nguyễn Trường Phúc	Toán - Tin học	
500	25280056	Ngô Gia Bảo	Toán - Tin học	
501	25280071	Võ Triết Sơn	Toán - Tin học	
502	25280084	Trần Tuyết Băng	Toán - Tin học	
503	25280123	Nguyễn Phan Minh Thư	Toán - Tin học	
504	25290007	Đặng Quỳnh Chi	Môi trường	
505	25290031	Nguyễn Yến Nhi	Môi trường	
506	25290053	Nguyễn Thùy Gia Vy	Môi trường	
507	25310047	Lê Trần Phương Vy	Khoa học liên ngành	
508	25130043	Nguyễn Minh Hoàng	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
509	22260044	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
510	22150128	Huỳnh Hoàng Tú	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học	
511	22260046	Nguyễn Nhật Trinh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
512	22130112	Nguyễn Lê Hải Ngân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
513	23260031	Trần Hoàng Khôi Nguyên	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
514	23260023	Trần Quang Lộc	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
515	23260011	Tô Thành Đạt	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
516	23260032	Lê Ngọc Nhi	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
517	23260030	Nguyễn Thành Nghĩa	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
518	23130096	Trần Cao Linh Chi	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	

STT	MSSV	Họ và tên	Khoa	Ghi chú
519	24210019	Nguyễn Quốc Anh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
520	24130011	Đặng Ngọc Duy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
521	24210070	Nguyễn Phương Vy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
522	24137098	Lê Hoàng Thảo Vi	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
523	24230031	Hàng Bảo Định	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
524	24130004	Nguyễn Ngọc Đăng	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
525	24130144	Võ Thành Cường	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
526	24130146	Lê Khánh Đăng	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
527	24230001	Lê Phú An	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
528	24210045	Huỳnh Tuyết Ngọc	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
529	24230041	Hồ Ngọc Khả Như	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
530	25130016	Võ Hoàng Anh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
531	25210001	Trần Đỗ Phương Anh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
532	25260037	Nguyễn Phương Anh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
533	25137094	Đặng Chí Bảo	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
534	25130030	Phùng Đức Duy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
535	25210006	Khương Gia Hân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
536	25210007	Nguyễn Gia Hân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
537	25210032	Ngô Nhật Hào	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
538	25210036	Nguyễn Lê Huy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
539	25137038	Trần Tú Lan	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
540	25210022	Nguyễn Phương Nguyên	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
541	25260049	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
542	25210024	Trần Ngọc Thanh Nhi	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
543	25260033	Cao Ngọc Như	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
544	25260022	Nguyễn Phạm Mai Phương	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
545	25130256	Nguyễn Thái Tấn	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
546	25130271	Cao Trung Trực	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	

STT	MSSV	Họ và tên	Khoa	Ghi chú
547	25210053	Lê Anh Tường Vân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
548	24127466	Đào Ngọc Chung Nguyên	Công nghệ thông tin	
549	24137057	Nguyễn Quốc Huy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
550	24137071	Trần Thị Ngọc Mai	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
551	24137075	Phan Lê Triệu Ngọc	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
552	24137076	Trần Bảo Ngọc	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
553	24137078	Nguyễn Võ Thảo Nguyên	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
554	24137087	Nguyễn Chí Quốc	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
555	24137089	Hồ Thục Quyên	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
556	24137101	Vũ Thị Thùy Trang	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
557	25137003	Nguyễn Ngọc Anh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
558	25137007	Ngô Chí Bảo	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
559	25137010	Lê Đình Chương	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
560	25137013	Lê Nguyễn Tiến Đức	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
561	25137045	Bùi Nguyễn Ngọc Minh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
562	25137052	Trần Nguyễn	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
563	25137065	Trần Chí Thiện	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
564	25137081	Trần Nguyễn Lan Anh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
565	25137089	Đinh Nam Thành	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
566	25137056	Nguyễn Tấn Phát	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
567	25137111	Trang Đình Khang	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
568	25137112	Phạm Huỳnh Anh Khoa	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
569	25137119	Nguyễn Hoàng Bảo Ngọc	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
570	25137129	Nguyễn Vũ Anh Quân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	

STT	MSSV	Họ và tên	Khoa	Ghi chú
571	25137136	Nguyễn Thị Minh Thơ	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
572	25137138	Võ Thị Thanh Thư	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
573	25137062	Nguyễn Vy Thanh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	
574	25137096	Võ Hồng Quốc Bảo	Vật lý - Vật lý kỹ thuật	

Danh sách gồm có **574** sinh viên./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2025

**TM. LIÊN CHI HỘI KHOA
VẬT LÝ – VẬT LÝ KỸ THUẬT
LIÊN CHI HỘI TRƯỞNG**

Người lập bảng

Nguyễn Nhật Đăng

Nguyễn Nhật Đăng